TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7-ĐẮKLẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày 28/7/2025
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Hồ Thị Thu Ba.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Khắc Dũng.

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Phan Hoài Đông – Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7-ĐắkLắk tham gia phiên tòa*: Ông Dương Minh Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 7-Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 124/2025/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 về việc "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2025/QĐXX-TA ngày 25 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11/7/2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Bà Thái Thị N, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Tổ dân phố 2, thị trấn E, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn**: Ông Nông Công S, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Thôn Quảng Cư 2, xã C, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã EK, tỉnh Đắk Lắk) (vắng mặt lần thứ 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Tại đơn khởi kiện ghi ngày 20/3/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Thái Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Tôi (N) và ông Nông Công S sau một thời gian tìm hiểu thì có nguyện vọng chung sống, kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban

nhân dân thị trấn E, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/3/2016, trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán.

Vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn và kéo dài. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không hòa hợp, vợ chồng không có sự tin tưởng và thông cảm cho nhau, ông S hay uống rượu say đánh đập tôi nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, không tôn trọng nhau, không tìm được tiếng nói chung. Đến cuối năm 2016 thì mâu thuẫn gay gắt nên chúng tôi ly thân cho đến nay. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên tôi yêu cầu xin ly hôn với ông Nông Công S.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng tôi chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần. Các thủ tục tố tụng được giao hợp lệ cho bị đơn ông Nông Công S nhưng đương sự đều cố tình vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7- Đắk Lắk) quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 7-Đắk Lắk phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử: Về tố tụng: Kiểm sát viên khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng; HĐXX đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thực hiện đúng nguyển tắc xét xử, thành phần HĐXX và thư ký phiên tòa đúng quy định; Nguyên đơn, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70,71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho bà Thái Thị N được ly hôn với ông Nông Công S; Về con chung: Đương sự không có con chung nên không đặt ra để giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thảo luận đánh giá tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Thái Thị N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Nông Công S. Đây là quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử, bị đơn ông Nông Công S được Toà án triệu tập tham gia phiên

toà hợp lệ đến lần 2 nhưng đều vắng mặt không lý do. Như vậy, đương sự đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh trước toà. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Nông Công S là có căn cứ phù hợp điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Xét lời khai của đương sự và tài liệu trong hồ sơ vụ án, xác định: bà Thái Thị N và ông Nông Công S tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn E, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 15/3/2016 (được cấp giấy chứng nhận kết hôn lưu hồ sơ vụ án) nên hôn nhân giữa bà N và ông S là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào biên bản xác minh chính quyền địa phương nơi các đương sự cư trú phù hợp với lời khai của nguyên đơn trong quá trình thu thập chứng cứ xác định: bà Thái Thị N và ông Nông Công S chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, kéo dài và ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, xích mích trong cuộc sống. Như vậy, xét tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn. Do đó, xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Thái Thị N là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[3] *Về con chung:* Đương sự không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không kê khai. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[5] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a Khoản 5 Điều 27 tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Nguyên đơn bà Thái Thị N phải chịu 300.000^{đ} (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0001086 ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51,

khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. ***Về hôn nhân:*** Tuyên xử bà Thái Thị N được ly hôn với ông Nông Công S.

2. ***Về con chung:*** Đương sự không có con chung. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Thái Thị N phải chịu 300.000^{đ} (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0001086 ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ nơi đương sự cư trú.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Thu Ba

Nơi nhận:
-Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
-Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7-Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 7;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Khắc Dũng Nguyễn Thị Tuyết

Hồ Thị Thu Ba